

Số /PA-HĐBTGPMB

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư thôn 1, xã Hợp Tiên, huyện Triệu Sơn

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về việc Sửa đổi bổ sung một số Nghị định, Quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 4527/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất; số 44/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh; số 5653/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh; số 473/2017/QĐ-UBND ngày 14/2/2017 về việc quy định mức trích, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020 về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quy định việc xác định giá trị bồi thường; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về việc sửa đổi tên gọi và một số điều của Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh và Quy định việc xác định giá trị bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ quyết định số 8774/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 khu dân cư tại thôn 1, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Trích lục địa chính khu đất số 99/TLKĐ ngày 20/11/2020 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Triệu Sơn lập;

Căn cứ số liệu kiểm kê, dự toán bồi thường GPMB và phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Quy hoạch chi tiết 1/500 điểm dân cư thôn 1, xã Hợp Tiến do Hội đồng GPMB lập;

Hội đồng BTGPMB lập phương án bồi thường GPMB dự án Quy hoạch chi tiết 1/500 điểm dân cư thôn 1, xã Hợp Tiến, cụ thể như sau:

1. Đối tượng: Các hộ gia đình cá nhân tổ chức có đất, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu bị ảnh hưởng bởi dự án.

- Tổng số hộ bị ảnh hưởng: 07 hộ gia đình, cá nhân và UBND xã Hợp Tiến.
- Số hộ có đất bị thu hồi: 07 hộ gia đình, cá nhân và UBND xã Hợp Tiến.
- Số hộ phải bố trí tái định cư: Không.
- Số lượng mô mã phải di chuyển: Không.

2. Tổng diện tích đất thu hồi: 7339.9 m² đất, trong đó đất trồng lúa nước (LUC): 5.908,2 m², đất giao thông (DGT): 789,1 m², đất thủy lợi (DTL): 642,6 m².

3. Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng

3.1. Bồi thường một vụ Lúa:

Áp dụng các Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014; số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Đối với các hộ bị thu hồi đất trồng Lúa: Được bồi thường một vụ Lúa, đơn giá bồi thường Lúa là: 5000 đ/m².

3.2. Đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất trồng Lúa bị thu hồi thì được bồi thường, hỗ trợ bằng tiền, cụ thể:

- Bồi thường đất trồng lúa:

+ Đơn giá bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi: Áp dụng theo Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019, Quyết định số 5653/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh.

+ Vị trí các thửa đất bị thu hồi: Vị trí 1.

+ Giá đất bồi thường: 40.000đ/ m²

- Các chính sách hỗ trợ: Áp dụng Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh, các chính sách hỗ trợ như sau:

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất ngoài việc bồi thường bằng tiền 40.000đ/1m² còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề

nghiệp và tìm kiếm việc làm với mức hỗ trợ bằng tiền bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi ($40.000 \times 1,5 = 60.000đ/1m^2$).

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất

Các hộ bị thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng, mức hỗ trợ cho một khẩu được tính bằng 30 kg gạo tẻ/khẩu/tháng theo giá trung bình thị trường là 10.000 đồng/kg.

Các hộ bị thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng, mức hỗ trợ cho một khẩu được tính bằng 30 kg gạo tẻ/khẩu/tháng theo giá trung bình thị trường là 10.000 đồng/kg.

3.3. Bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc trên đất: Không.

3.4. Bồi thường cây cối, hoa màu: Áp dụng các Quyết định của UBND tỉnh số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021.

4. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB: 345.899.340 đồng (ba trăm bốn lăm triệu, tám trăm chín chín nghìn, ba trăm bốn mươi đồng); trong đó:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất:	123.016.000 đồng.
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:	184.524.000 đồng.
- Hỗ trợ ổn định đời sống:	16.200.000 đồng.
- Bồi thường cây cối hoa màu:	15.377.000 đồng.
- Chi phí thực hiện GPMB:	6.782.340 đồng.

(Chi tiết có Biểu tổng hợp kèm theo)

5. Nguồn kinh phí: UBND xã Hợp Tiến bố trí.

6. Tiến độ thực hiện: Quý III, năm 2021.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện;
- Các phòng, đơn vị liên quan;
- UBND xã Hợp Tiến;
- Lưu: VT, HDGPMB.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



**PCT UBND HUYỆN
Lê Phú Quốc**

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB

Dự án quy hoạch chi tiết 1/500 điểm dân cư thôn 1, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn

(Kèm theo Phương án số: /PA-HĐBTGPMB ngày /6/2021 của Hội đồng BTGPMB huyện)

TT	Số hồ sơ	Họ và tên	Địa chỉ (thôn)	Loại đất thu hồi	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Thành tiền (đồng)				
								Bồi thường về đất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	Hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường cây cối, hoa màu	Tổng
1	1	Lê Thị Minh	Thôn 1	LUC	9	528	107.1	4,284,000	6,426,000		535,500	11,245,500
2	2	Lê Thị Quế	Thôn 1	LUC	12	113	751.8	30,072,000	45,108,000	10,800,000	3,759,000	89,739,000
3	3	Lê Văn Hùng	Thôn 1	LUC	12	114	368.1	14,724,000	22,086,000		1,840,500	38,650,500
4	4	Nguyễn Quang Hải (Hoan)	Thôn 1	LUC	12	115	1,007.7	40,308,000	60,462,000	5,400,000	5,038,500	111,208,500
5	5	Lê Sỹ Hiền (Dương)	Thôn 1	LUC	12	202	40.6	1,624,000	2,436,000		203,000	4,263,000
6	6	Hoàng Đăng Dung	Thôn 1	LUC	12	203	116.4	4,656,000	6,984,000		582,000	12,222,000
7	7	Hà Minh Sáu	Thôn 1	LUC	12	45	683.7	27,348,000	41,022,000		3,418,500	71,788,500
8	8	UBND xã Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến	LUC	9	583	388.0	0	0	0	0	0
				LUC	9	589	237.7	0	0	0	0	0
				LUC	9	586	384.0	0	0	0	0	0
				LUC	9	587	100.5	0	0	0	0	0
				LUC	9	643	560.9	0	0	0	0	0
				LUC	9	644	108.0	0	0	0	0	0
				LUC	9	645	238.1	0	0	0	0	0
				LUC	9	646	177.4	0	0	0	0	0
				LUC	9	647	168.4	0	0	0	0	0
				LUC	9	648	57.0	0	0	0	0	0
				LUC	9	649	60.3	0	0	0	0	0
				LUC	13	1	146.8	0	0	0	0	0
				LUC	13	2	50.0	0	0	0	0	0
				LUC	13	3	155.7	0	0	0	0	0
				DGT	9	295	408.9	0	0	0	0	0
				DGT	12	290	380.2	0	0	0	0	0
				DTL	12	42	338.3	0	0	0	0	0
DTL	12	200	56.3	0	0	0	0	0				
DTL	12	590	248.0	0	0	0	0	0				
I		Tổng					7,339.9	123,016,000	184,524,000	16,200,000	15,377,000	339,117,000
II		Chi phí thực hiện GPMB (II = I x 2%)										6,782,340
III		Tổng cộng (III=I + II)										345,899,340